

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07-6-2022

V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: 13 Đ T Đ, tổ 03, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn 01, xã A P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2022 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng anh và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thanh H có một con chung là Phạm Khả H, sinh ngày 15/3/2020, con hiện đang ở với chị H. Ly hôn anh tự nguyện giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì con chung còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị Thanh H đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Anh Phạm Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với chị Nguyễn Thị Thanh H theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của anh Phạm Minh T được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Chị Nguyễn Thị Thanh H cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập chị Nguyễn Thị Thanh H đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu

cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị Thanh H đều không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chị Nguyễn Thị Thanh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về hôn nhân: Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 15 tháng 11 năm 2019. Vì vậy, hôn nhân giữa anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Phạm Minh T thì thấy rằng, trong thời gian chung sống giữa anh và chị Nguyễn Thị Thanh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh và chị H sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, giữa anh và chị H không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng nhưng anh Phạm Minh T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản để anh T và chị H đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng chị H đều vắng mặt chứng tỏ chị H không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên anh Phạm Minh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh H có một con chung là Phạm Khả H, sinh ngày 15/3/2020. Hiện nay cháu H đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi, nên anh T tự nguyện giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Minh T, giao con chung cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Phạm Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Phạm Minh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[4] *Về án phí*: Anh Phạm Minh T là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và các điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T.

- Về hôn nhân: Anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Khả H, sinh ngày 15/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi con từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí: **Anh Phạm Minh T** phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001320 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Phạm Minh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. P;
 - Chi cục THADS Tp P;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - UBND phường Diên Hồng, TP P,
- Tỉnh Gia Lai (Giấy CNKH số 88/2019
Đăng ký ngày 15/11/2019);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

